

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS-ST

Ngày: 10-5-2022.

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phúc;
2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao không tham gia phiên tòa.

Ngày 10/5/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2022 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP B.

Người theo pháp luật là ông Phạm Doãn Sơn - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Trụ sở chính: Tầng 1, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà Thaihodings, số 210, đường Tr, phường T, Quận H, Thành phố H. Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Doãn S là ông Trần Hữu T - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh H.

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Trần Hữu T là ông Trần Văn Nh, sinh năm 1990 - Chức vụ: Chuyên viên khách hàng Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh H.

Địa chỉ: Số 32, đường Ng, phường 1, thành phố V, tỉnh H.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Tr - sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Ch, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang (hiện nay đang tạm trú tại ấp Th, xã V1, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần B và người đại diện theo ủy quyền lại ông Trần Văn Nh trình bày: Vào ngày 23/8/2017 bà Nguyễn Thị Tr có đến Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh H vay số tiền là 210.000.000đ (hai trăm mười triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số HĐTD 802201702862 ngày 23/8/2017; Mục đích vay: Tiêu dùng và phục vụ phát triển kinh tế gia đình; thời hạn vay là 60 tháng; Lãi suất cho vay ưu đãi tại thời điểm giải ngân dùng để tính lãi tiền vay trả cho Ngân hàng (được tính trên cơ sở một năm là 365

ngày) là 10,6%/năm. Lãi suất cho vay trên được quy đổi theo tỷ lệ %/năm (một năm 365 ngày) là 10,75%/năm. Lãi suất nợ quá hạn và lãi suất chậm trả: Được thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Phương thức áp dụng và điều chỉnh LS: Áp dụng cố định từ ngày 24/8/2017 đến hết ngày 23/8/2018. Sau ngày 23/8/2018 áp dụng lãi suất thả nổi theo lãi suất xếp hàng tín dụng của L tại thời điểm điều chỉnh và định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định của L. Từ khi vay đến nay Trinh có trả cho Ngân hàng được số tiền gốc là 161.000.013 đồng và lãi được số tiền là 65.904.880 đồng thì đến ngày 15/7/2021 ngưng đến nay. Hiện nay hồ sơ vay đã quá hạn từ ngày 25/3/2021 nên Ngân hàng có yêu cầu bà Tr trả nợ cho Ngân hàng nhưng bà Tr không thực hiện mà để kéo dài đến nay.

Nay, Ngân hàng TMCP B yêu cầu bà Nguyễn Thị Tr phải thanh toán số tiền nợ vốn và lãi tạm tính đến ngày 10/5/2022 là 56.255.320 đồng (trong đó: Nợ gốc 48.999.987đ, lãi suất trong hạn là 3.699.350đ, lãi quá hạn 3.385.198đ và lãi chậm trả lãi 170.785đ) và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng số HĐTD 802201702862 ngày 23/8/2017. Đồng thời, Ngân hàng không đồng ý cho bà Tr trả mỗi tháng 2.000.000 đồng mà yêu cầu bà Tr trả một lần là dứt nợ. Trường hợp, bà Tr không thanh toán được toàn bộ nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản khác và nguồn thu hợp pháp của bà Tr để thanh toán hết toàn bộ nợ của bà Tr tại Ngân hàng TMCP B.

Tại bản tự khi đề ngày 13/4/2022 và tại phiên bị đơn bà Nguyễn Thị Tr trình bày: Vào ngày 23/8/2017 tôi có đến Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh H vay số tiền là 210.000.000đ (hai trăm mười triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số HĐTD 802201702862 ngày 23/8/2017; Mục đích vay: Tiêu dùng và phục vụ phát triển kinh tế gia đình; thời hạn vay là 60 tháng; Lãi suất cho vay ưu đãi tại thời điểm giải ngân dùng để tính lãi tiền vay trả cho Ngân hàng (được tính trên cơ sở một năm là 365 ngày) là 10,6%/năm. Lãi suất cho vay trên được quy đổi theo tỷ lệ %/năm (một năm 365 ngày) là 10,75%/năm. Lãi suất nợ quá hạn và lãi suất chậm trả: Được thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Phương thức áp dụng và điều chỉnh LS: Áp dụng cố định từ ngày 24/8/2017 đến hết ngày 23/8/2018. Sau ngày 23/8/2018 áp dụng lãi suất thả nổi theo lãi suất xếp hàng tín dụng của L tại thời điểm điều chỉnh và định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định của L. Từ khi vay đến nay tôi có trả cho Ngân hàng được số tiền gốc là 161.000.013 đồng và lãi đúng hạn theo quy định của Ngân hàng. Hiện nay hồ sơ vay đã quá hạn nên Ngân hàng có yêu cầu tôi trả nợ cho Ngân hàng nhưng tôi không thực hiện để kéo dài đến nay.

Do gia đình khó khăn, dịch bệnh nên tôi không có khả năng nợ cho Ngân hàng đúng hạn được nay đã quá hạn. Ngân hàng có yêu cầu tôi trả nợ nhưng vẫn không có khả năng thực hiện được để kéo dài đến nay.

Nay, Ngân hàng khởi kiện tôi thì tôi thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc và lãi tạm tính đến ngày 10/5/2022 là 56.255.320 đồng (trong đó: Nợ gốc 48.999.987đ, lãi suất trong hạn là 3.699.350đ, lãi quá hạn 3.385.198đ và lãi chậm trả lãi 170.785đ) và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng số HĐTD 802201702862 ngày 23/8/2017. Đồng thời, tôi xin trả cho Ngân

hàng mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, ngoài ra Ngân hàng yêu cầu trả thêm nữa thì tôi không có khả năng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần B với bà Nguyễn Thị Tr là tranh chấp về dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy giao dịch giữa các đương sự là thỏa thuận vay tài sản. Do vậy, khi các bên xảy ra tranh chấp thì căn cứ vào các quy định về hợp đồng vay tài sản để giải quyết là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Do đó, hai bên đương sự thừa nhận là bà Nguyễn Thị Tr có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền vốn gốc là 210.000.000 đồng. Từ khi vay đến nay, phía bà Tr thanh toán được vốn gốc là 161.000.013 đồng và đóng lãi đến ngày 15/7/2021 thì ngưng đến nay đã quá hạn mà chưa trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo qui định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, cần buộc bà Tr phải trả cho Ngân hàng số nợ trên là có căn cứ.

Theo bảng kê tính lãi của Ngân hàng đến ngày xét xử là ngày 10/5/2022 thì bà Nguyễn Thị Tr còn nợ tiền lãi là 7.255.333 đồng. Việc tính lãi của Ngân hàng là đúng thỏa thuận trong hợp đồng vay và phù hợp với qui định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, buộc bà Nguyễn Thị Tr phải trả cho Ngân hàng tổng vốn gốc và lãi tính đến ngày xét xử ngày 10/5/2022 là 56.255.320đ (năm mươi sáu triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm hai mươi đồng).

[3] Xét về hợp đồng tín dụng số HĐTD 802201702862 ngày 23/8/2017 giữa các bên có quy định về lãi suất, thời hạn vay, phương thức thanh toán nợ gốc và lãi. Những quy định trong hợp đồng không trái với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 14/4/2016 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Tuy nhiên, trong thời gian thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Thị Tr không thực hiện đúng cam kết nên hợp đồng vay cho đến nay bên vay là bà Tr đã vi phạm về thời hạn trả nợ nên căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc bà Tr phải trả khoản nợ vay và lãi phát sinh cho ngân hàng là phù hợp.

[4] Do hợp đồng tín dụng số HĐTD 802201702862 ngày 23/8/2017 là hợp đồng tín chấp nhưng bà Tr không thanh toán được nghĩa vụ nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản khác và nguồn thu hợp pháp của bà Tr để thanh toán hết toàn bộ nợ của bà Tr tại Ngân hàng TMCP B. Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần phần B yêu cầu xử lý tài sản khác và nguồn thu hợp

pháp của bà Tr để đảm bảo việc thu hồi nợ là có căn cứ và đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng. Đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần phần B yêu cầu bà Tr tiếp tục chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết và phù hợp với nội dung Án lệ số 08/2016Al của Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về việc bà Nguyễn Thị Tr xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ cho Ngân hàng, yêu cầu này của bà Tr không được đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng chấp nhận nên buộc bà Nguyễn Thị Tr phải trả cho Ngân hàng tổng vốn gốc và lãi tính đến ngày xét xử ngày 10/5/2022 là 56.255.320đ (năm mươi sáu triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm hai mươi đồng).

[5] Về án phí DSST có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên hoàn trả lại tiền tạm ứng phí mà Ngân hàng TMCP B đã nộp là 2.600.000đ (hai triệu sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008760 ngày 07/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Bà Nguyễn Thị Tr phải nộp án phí là: $56.255.320 \text{ đồng} \times 5\% = 2.812.766 \text{ đồng}$ làm tròn là 2.813.000đ (hai triệu tám trăm mười ba nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 11, 463, 466, 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B đối với bà Nguyễn Thị Tr.

Buộc bà Nguyễn Thị Tr phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền là 56.255.320 đồng (trong đó: Nợ gốc 48.999.987đ, lãi suất trong hạn là 3.699.350đ, lãi quá hạn 3.385.198đ và lãi chậm trả lãi 170.785đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị Tr còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số HĐTD802201702862 ký ngày 23/8/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng số HĐTD802201702862 ký ngày 23/8/2017, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Tr phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết

định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Tr không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ B thì Ngân hàng thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xử lý tài sản hợp pháp của bà Tr để đảm bảo việc thu hồi nợ.

2. Án phí DSST có giá ngạch là: 2.813.000đ (hai triệu tám trăm mười ba nghìn đồng), buộc bà Nguyễn Thị Tr phải nộp.

Ngân hàng TMCP B được nhận lại số tiền là 2.600.000đ (hai triệu sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008760 ngày 07/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 10/5/2022.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hoài Thanh